

Số: /STC-QLNS

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2023

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026  
*(Phục vụ xây dựng dự toán ngân sách các cấp của địa phương)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Để có cơ sở tổng hợp đánh giá đúng tình hình thực hiện ngân sách năm 2023, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Tài chính. Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 theo nội dung hướng dẫn tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó chú trọng thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

## **I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

### **1. Về thu ngân sách:**

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả phát triển kinh tế - xã hội và thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; UBND các huyện, thị, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện thu NSNN

năm 2023, kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2023, các nguyên nhân đặc thù khác ảnh hưởng đến tình hình tăng, giảm số thu ngân sách, cụ thể như sau:

+ Đánh giá tình hình thu các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế trực tiếp thu, Cục Thuế trực tiếp thu.

+ Tình hình thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (*thu theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, thu ghi nợ tiền sử dụng đất đến hạn nộp năm 2023, thu nợ tiền sử dụng đất đã có thông báo thuế các năm trước nhưng chưa nộp chuyển sang thu trong năm 2023*).

+ Tình hình thu thuế thu nhập cá nhân.

+ Tình hình thu phạt hành chính, phạt chậm nộp của ngành thuế.

b) Đánh giá công tác đơn đốc, cưỡng chế, xử lý thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2023; dự kiến số nợ thuế xử lý trong các tháng cuối năm 2023 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và số dư nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá các khoản thu khác ngân sách không do ngành thuế thực hiện, thu sự nghiệp, thu hoa lợi công sản tại xã,... Đối với khoản thu khác ngân sách: Chi tiết các khoản thu khác ngân sách, phân tích rõ các khoản tăng đột biến so với dự toán giao, phân tích rõ các khoản được đưa vào cân đối ngân sách, các khoản thu để lại chi.

- Đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước khi thực hiện quy định sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí; trong đó, làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác và các khoản thu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2023.

- Đánh giá các khoản thu không cân đối vào ngân sách, như: phí được để lại đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thu học phí, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

- Dự kiến nguồn lực địa phương sử dụng để bù đắp giảm thu ngân sách địa phương năm 2023 (nếu có) như: Nguồn dự phòng ngân sách các cấp, nguồn kết dư, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, ...

- Báo cáo các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước những tháng còn lại của năm 2023.

*Thực hiện theo Thông báo số 197/TB-STC ngày 20/6/2023 của Sở Tài chính Thông báo Kết luận của Giám đốc Sở Tài chính tại cuộc họp nghiên cứu tìm giải pháp bảo đảm đạt kế hoạch thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023.*

## **2. Về chi ngân sách:**

### **2.1. Về chi đầu tư phát triển:**

- Rà soát đánh giá tình hình bố trí và giao dự toán chi đầu tư phát triển năm 2023: các dự án từ nguồn được bổ sung có mục tiêu, các dự án được bố trí vốn từ nguồn được phân cấp, từ nguồn tăng thu, từ nguồn tiền sử dụng đất, chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, nguồn bổ sung trong năm và từ các nguồn khác. Cụ thể: Nguồn xố số kiến thiết (sửa chữa trường học, trạm y tế, mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông); Chương trình nông thôn mới (nguồn xố số); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; Chi đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội; ... Trong đó, nêu rõ các nguồn vốn hiện tại (ngân sách cấp huyện, ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu) có đáp ứng đủ nhu cầu chi của đơn vị hay không?

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023: Giá trị khối lượng đã thực hiện và số đã thanh toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024; chi tiết theo từng nguồn vốn (nguồn vốn huyện, xã, nguồn ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu), chi tiết tỷ lệ giải ngân đạt, không đạt, vượt dự toán, nguyên nhân, kiến nghị (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2022, kế hoạch vốn năm 2023 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2023, kèm theo thuyết minh).

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2022; ước số xử lý trong năm 2023; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chi tiết từng dự án, nguồn tạm ứng), từ đó đề xuất phương án thu hồi tạm ứng.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2023 và dự kiến đến hết năm 2023; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá tình hình chi sửa chữa trường học, trạm y tế và các công trình phúc lợi xã hội sử dụng nguồn xổ số kiến thiết; tình hình sửa chữa các công trình trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp, trụ sở thôn, ấp, khu phố; tình hình thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới,...

- Đánh giá tình hình chi mua sắm, sửa chữa và những vướng mắc phát sinh.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa, kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

## **2.2. Về chi thường xuyên:**

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2023 theo từng lĩnh vực chi được giao. Tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách phòng, chống dịch bệnh và chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân do ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

- Rà soát đánh giá tình hình sử dụng nguồn chi sự nghiệp kinh tế bố trí theo định mức chi năm 2023 để thực hiện sửa chữa các tuyến kênh mương và đường giao thông nông thôn trên địa bàn.

- Phân tích nguyên nhân tăng giảm chi so với dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao: Tăng giảm biên chế ngành giáo dục, các khoản chi phát sinh, chi bổ sung có mục tiêu, chi từ nguồn dự phòng, chi khác ngân sách,...

- Đánh giá tình hình tạm ứng chi thường xuyên nhưng chưa được bố trí dự toán: Tạm ứng từ ngân sách cấp trên, tạm ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã; từ đó đề xuất phương án thu hồi tạm ứng.

- Đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 và lũy kế đến hết năm 2023, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đánh giá tình hình thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập: kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 và lũy kế đến hết năm 2023, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp.

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế tài chính đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và phần lương tăng thêm theo cơ chế đặc thù - nếu có); chi chuyên môn, nghiệp vụ, chi tiết theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn thu nghiệp vụ, nguồn hợp pháp khác).

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

+ Chính sách bảo trợ xã hội: Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, người nghèo, hộ cận nghèo và một số đối tượng khác theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Kinh phí chi bảo trợ xã hội, chế độ học bổng học sinh,...; Chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chính sách hỗ trợ giáo dục – đào tạo: việc thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động, chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 06/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

+ Chế độ chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo.

+ Chính sách hỗ trợ ngư dân: tình hình chi hỗ trợ cho ngư dân theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014. Trong đó xác định cụ thể: Nhu cầu kinh phí (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*) và số kinh phí đã bố trí, số kinh phí còn phải bố trí.

\* **Lưu ý:** phân tích cụ thể số lượng hộ/người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được hỗ trợ các chính sách theo chuẩn Trung ương, chuẩn tỉnh.

- Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng đến hết tháng 6 năm 2023 và dự kiến sử dụng đến ngày 31/12/2023.

- Đánh giá đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

- Kiến nghị đề xuất nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình điều hành ngân sách năm 2023 và xây dựng dự toán năm 2024.

## **II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024:**

### **1. Yêu cầu:**

Năm 2024, là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm tiếp theo của thời kỳ ổn định NSNN mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2024 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Dự toán NSNN năm 2024 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ của tỉnh lần thứ VII nhiệm kỳ 2020-2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và định hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách và quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII); các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan.

- Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023; các nội dung trình phê duyệt về mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021-2025 của địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025; các địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2024, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024 trên cơ sở khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

- Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định tại Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

- Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương:**

### **2.1. Xây dựng dự toán thu NSNN:**

- Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023 cũng như dự toán năm 2024. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tăng, giảm thu ngân sách khi Chính phủ thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với nhà đầu tư nước ngoài. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

- Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

- Phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn), nhất là các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh; đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2023, những đặc thù của năm 2024.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

### **2.2. Xây dựng dự toán chi NSNN**

- Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN; đảm bảo phù hợp với nội dung trình kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm 2024 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

### **2.2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển**

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với dự kiến định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN. Bố trí đủ dự toán chi đầu tư nguồn NSNN năm 2024 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024. Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng trên địa bàn. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2024.

- Đối với dự toán chi cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách xã hội, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Xây dựng dự toán chi tiết chi từ nguồn vốn được phân cấp theo định mức, nguồn xổ số kiến thiết để chi sửa chữa trường học, trạm y tế (*bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông*), nguồn tiền sử dụng đất, nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135, nguồn tăng thu, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác. Trong đó nêu rõ từng nguồn vốn, danh mục nhu cầu.

### **2.2.2. Về xây dựng chi thường xuyên năm 2024**

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ chính trị, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách



năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2024, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

- Rà soát các nhiệm vụ chi đã có văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương thực hiện để xem xét tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện.

- Đối với dự toán chi quản lý nhà nước cấp huyện, Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước cấp xã. Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giao biên chế năm 2023 và dự kiến năm 2024 theo lộ trình tinh giản biên chế, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2023, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2023, số biên chế dự kiến tinh giản trong năm 2024.

+ Xác định Quỹ lương, cải cách tiền lương theo ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, mức cải cách tiền lương đến 1.800.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Rà soát số lượng đối tượng được hưởng phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi vùng đặc biệt khó khăn, phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể; phụ cấp thâm niên, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, các khoản chi đặc thù,....

- Dự toán chi hoạt động năm 2024 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Một số nội dung cụ thể khi xây dựng dự toán năm 2024:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Cung cấp số lượng học sinh theo từng cấp học trên địa bàn huyện; Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2020/NĐ-CP và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên

mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;...

+ Đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thì không bố trí chi thường xuyên để thực hiện, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

+ Dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương:

++ Năm 2024, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương, kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về thực hiện cải cách chính sách tiền lương và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

++ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), trong đó: xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2024 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn 50% tăng thu NSĐP hưởng dự toán năm 2024 so dự toán 2023 và nguồn cải cách tiền lương lũy kế đến hết năm 2023 chuyển sang để thực hiện (bao gồm nguồn 70% tăng thu ước thực hiện của NSĐP năm 2023 so dự toán - nếu có); sử dụng một phần nguồn thu của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

+ Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế: Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày ngày 22 tháng 12 năm 2021) của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

+ Rà soát lại tình hình thành lập và cơ chế hoạt động của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách theo quy định của Luật NSNN.

+ Dịch vụ công ích thủy lợi: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

+ Đất trồng lúa: lập dự toán theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7

năm 2019 của Chính phủ; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023) của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt: Lập dự toán căn cứ quy định về chế độ thu, nhiệm vụ chi dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; xây dựng dự toán thu, chi xác định phần chênh lệch thiếu thu, nhỏ hơn chi (nếu có), để thực hiện trong năm 2024; theo Công văn số 3345/STC-QLNS ngày 21/6/2023 của Sở Tài chính.

+ Tiền xác định giá đất cụ thể: Lập dự toán căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC, ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án thuộc nguồn ngân sách tỉnh và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách huyện để thực hiện trong năm 2024; theo Công văn số 6614/STC-QLGCS&TCND ngày 27/12/2022 của Sở Tài chính.

+ Chi cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn: lập dự toán căn cứ theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2024 - 2026:**

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm theo hướng dẫn tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính, báo cáo HĐND cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách của địa phương hàng năm.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

a) Về mẫu biểu gửi Sở Tài chính:

- Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (08 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 28 đến mẫu biểu số 35 - Phụ lục 1).

- Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (06 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 06).

- Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (03 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 03).

- Thông tư số Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (08 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 2a đến mẫu biểu số 05).

b) Về thời gian gửi báo cáo: Gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 7 năm 2023** để tổng hợp, chuẩn bị thảo luận dự toán ngân sách năm 2024 dự kiến **bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2023**.

c) Việc hạch toán các lĩnh vực thu, chi ngân sách: thực hiện theo Công văn số 2233/STC-QLNS ngày 08/5/2023 của Sở Tài chính V/v thống nhất chỉ tiêu số liệu thu, chi ngân sách để báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là một số nội dung Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể thêm về xây dựng dự toán ngân sách cấp huyện, xã năm 2024 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2024 - 2026, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban KTNS - HĐND tỉnh (để b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- P. TCKH các H, Tx, Tp;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS (Trí).

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Phước Thành**